

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 22-02-2023

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Chung

Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/02/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 598/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà và ông Nguyễn Xuân H kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Bà và ông H đã không còn sống chung từ tháng 6/2022 cho đến nay. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông H nữa nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Con chung: Bà và ông Hùng có 02 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 03/12/2003 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2011. Cháu C đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

2. Theo biên bản lấy lời khai của bị đơn ông Nguyễn Xuân H có trong hồ sơ thể hiện:

Ông và bà Nguyễn Thị Thanh T kết hôn năm 2004 tại UBND xã P. Quá trình chung sống của ông bà hạnh phúc. Đến khoảng tháng 9/2022, bà T tự ý bỏ nhà đi, ông có liên lạc, thuyết phục bà T về chung sống với ông nhưng bà T không về. Ông không biết lý do tại sao bà T bỏ nhà đi. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T vì ông vẫn còn tình cảm với bà T.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 03/12/2003 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2011. Cháu C đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Xuân H kết hôn năm 2004 tại UBND xã P. Bà Tâm yêu cầu ly hôn vì cho rằng tính tình giữa bà và ông H không hợp, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Ông bà đã không còn sống chung từ tháng 6/2022 cho đến nay. Ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng ông còn tình cảm với bà T. Tuy nhiên Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng ông H mặt vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà T.

Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 03/12/2003 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2011. Cháu C đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết, ông H và bà T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thấy cháu N có nguyện vọng ở với mẹ và hiện tại đang ở với mẹ nên đề nghị giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu N.

Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa giải quyết nên không xét.

Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Tâm. Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Xét thấy tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Xuân H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

Bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Xuân H kết hôn năm 2004, được UBND xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 18/11/2004. Hội đồng xét xử công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà T yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, ông bà thường hay cãi vã, xúc phạm nhau. Theo biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2022, ông H cho rằng vợ chồng ông sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 9/2022, bà T tự ý bỏ nhà đi, ông đã thuyết phục nhưng bà T vẫn không về chung sống với ông.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông H vắng mặt tại các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông H không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông và bà T. Hiện tại ông H và bà T không còn sống chung với nhau chứng tỏ ông H và bà T đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

- Về con chung: Ông H và bà T có 02 con chung tên Nguyễn Mạnh C, sinh ngày 03/12/2003 và Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2011. Cháu C đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu giải quyết, ông H và bà T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên xét thấy cháu N có nguyện vọng ở với mẹ và hiện tại đang ở với mẹ nên giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho cháu N.

- Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,
- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T
- Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Xuân H.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2011 cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, ông H và bà T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005111 ngày 23/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Bà T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã P
(GCNKH 112/2004);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

